

Số: 15/2025/QĐST - DS

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 240/2025/TLST - DS ngày 06 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958

Trú tại: Số F khóm A, phường L, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: Số F khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1969

1.2.2. Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1969

Cùng trú tại: ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Anh Đ đồng ý liên đới trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền vay gốc 40.000.000đ và tiền lãi là 8.000.000đ, tổng cộng tiền gốc và lãi là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng)

Về thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ:

Bắt đầu vào ngày 01/8/2025 bà Đ và ông T1 mỗi tháng trả cho bà T số tiền là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi ông T1 và bà Đ thanh toán xong nợ.

Bà Phạm Thị T đồng ý trả lại cho ông Lê Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Anh Đ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 059582, sổ vào sổ cấp GCN: CH01094, thửa đất số 2097, tờ bản đồ số 4, diện tích 22,8m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Lê Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17/11/2010 khi ông T1 và bà Đ thanh toán xong nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Phạm Thị Thu C 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bà T theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Ông Lê Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Anh Đ chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú

